

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 697 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 / 8 / 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Bền**.

2/ Ông **Nguyễn Văn Y**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Dương Thị Ngọc H**, sinh năm 1993. Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Tô Văn Y**, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp TP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị Ngọc H trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Tô Văn Y chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2017 tại Ủy ban nhân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Y có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, gây ra nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị và anh Y đã sống ly đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Tô Văn Y.

Về con chung: Chị và anh Tô Văn Y có 01 con chung tên Tô Dương Ngọc T, sinh ngày 14/01/2018, hiện tại cháu T đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, không yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

\* Bị đơn anh Tô Văn Y đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh Y không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham dự các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

***\* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của Dương Thị Ngọc H, cho chị H được ly hôn với anh Tô Văn Y. Giao con chung tên Tô Dương Ngọc T, sinh ngày 14/01/2018 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Y không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H chưa có yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Tô Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Tô Văn Y.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc H, xét thấy:

- Về hôn nhân: Chị Dương Thị Ngọc H và anh Tô Văn Y chung sống với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2017 tại Ủy ban nhân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày của chị H, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định, sau khi kết hôn thời gian đầu chị H và anh Y chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Y có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, gây ra nợ nần, từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung. Chị H và anh Y đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, thời gian mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị H và anh Y đã kéo dài, từ lúc ly thân cho đến nay chị H và anh Y không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, khi chị H yêu cầu ly hôn anh Y không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, điều đó cho thấy anh Y không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh Y là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và anh Tô Văn Y có 01 con chung tên Tô Dương Ngọc T, sinh ngày 14/01/2018, hiện tại cháu T đang sống với chị H. Xét thấy, từ lúc chị H và anh Y sống ly thân cháu T sống với chị H được chị H chăm sóc tốt. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị Ngọc H.

**1.** Về hôn nhân: Chị Dương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Tô Văn Y.

**2.** Về con chung: Giao con chung tên Tô Dương Ngọc T, sinh ngày 14/01/2018 cho chị Dương Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Tô Văn Y được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

**3.** Về án phí: Chị Dương Thị Ngọc H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Dương Thị Ngọc H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020490 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

**4.** Chị Dương Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tô Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

**Trần Văn Nhơn**